

Số: **4086** /QĐ-BNN-TCCB

Hà Nội, ngày **05** tháng **10** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2018/NĐ-CP ngày 22/11/2018 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính;

Xét đề nghị của Cục Thú y tại Tờ trình số 1469/TY-VP ngày 21/8/2023;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Cục Thú y là tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật trong lĩnh vực thú y, bao gồm: phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y trên toàn quốc; an toàn thực phẩm động vật và sản phẩm động vật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế về thú y theo phân cấp, ủy quyền của Bộ trưởng.

2. Cục Thú y có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng, có kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Trụ sở của Cục Thú y đặt tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Các dự thảo: Luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật khác về thú y, an toàn thực phẩm động vật và sản phẩm động vật theo phân công của Bộ trưởng;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hàng năm và các dự án, công trình quan trọng quốc gia, các chương trình, đề án, dự án, công trình về thú y, an toàn thực phẩm động vật và sản phẩm động vật theo phân công của Bộ trưởng.

2. Xây dựng, trình Bộ ban hành thông tư, quyết định, chỉ thị, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia về quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền ban hành.

3. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án; chỉ đạo và tổ chức thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục.

4. Ban hành các văn bản cá biệt và hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc chuyên ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

5. Về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn:

a) Trình Bộ ban hành Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người, Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh; quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật; quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; chương trình, kế hoạch quốc gia về phòng, chống, giám sát dịch bệnh nguy hiểm ở động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người;

b) Trình Bộ quyết định công bố dịch bệnh động vật, các biện pháp phòng bệnh bắt buộc, xử lý động vật mắc bệnh, chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh, công bố hết dịch theo quy định của pháp luật và kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc công bố dịch của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; phục hồi môi trường sau khi dập tắt dịch bệnh động vật; điều tra, giám sát, phân tích nguy cơ và dự báo dịch bệnh; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ dịch tễ, dịch bệnh; hướng dẫn điều trị một số bệnh nguy hiểm; khống chế, thanh toán dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm ở động vật, bệnh truyền lây giữa động vật và người; tổng hợp báo cáo các chương trình, kế hoạch quốc gia về phòng, chống dịch bệnh động vật;

d) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc chẩn đoán, xét nghiệm xác định nguyên nhân, tác nhân gây bệnh động vật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, chứng nhận, công bố danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo quy định của pháp luật;

e) Xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn về phòng, chống dịch bệnh;

g) Dự báo tình hình dịch bệnh truyền lây giữa động vật và người; kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền và hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền lây giữa động vật và người;

h) Tổ chức giám sát định kỳ dịch bệnh động vật đối với các cơ sở chăn nuôi thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất với Bộ trưởng về tình hình dịch bệnh động vật theo quy định.

6. Về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản:

a) Trình Bộ ban hành Danh mục bệnh phải công bố dịch; quy định về phòng, chống dịch bệnh; quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; chương trình, kế hoạch quốc gia về phòng, chống, giám sát dịch bệnh nguy hiểm trên động vật;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh; xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ dịch tễ, dịch bệnh; chẩn đoán, xét nghiệm, xác định nguyên nhân, tác nhân gây bệnh, chữa bệnh; giám sát, dự báo, cảnh báo dịch bệnh; điều tra, phân tích nguy cơ dịch bệnh; không chế, thanh toán dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm; thẩm định, công nhận điều kiện để công bố hết dịch bệnh theo quy định của pháp luật;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá, chứng nhận, công bố danh sách vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo quy định của pháp luật;

d) Xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn về phòng, chống dịch bệnh;

đ) Tổng hợp, báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình dịch bệnh, các chương trình, kế hoạch quốc gia về phòng, chống, giám sát dịch bệnh theo quy định của pháp luật.

7. Về kiểm dịch động vật (không bao gồm thực hiện kiểm dịch động vật thủy sản, sản phẩm động vật thủy sản xuất khẩu dùng làm thực phẩm):

a) Trình Bộ ban hành Danh mục đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện miễn kiểm dịch; Danh mục động vật, sản phẩm động vật thuộc diện phải phân tích nguy cơ trước khi nhập khẩu vào Việt Nam;

b) Trình Bộ quy định nội dung, hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật khi vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam và động vật, sản phẩm động vật mang theo người. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện sau khi Bộ ban hành:

c) Trình Bộ quyết định tạm ngừng xuất khẩu, nhập khẩu; cấm xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật không đảm bảo yêu cầu theo quy định của pháp luật;

d) Trình Bộ ban hành quy định trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch động vật và mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; quản lý, cấp và thu hồi thẻ kiểm dịch động vật, biển hiệu kiểm dịch động vật. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện sau khi Bộ ban hành;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước theo quy định của pháp luật;

e) Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, triệu hồi hoặc bị trả về; quản lý mẫu bệnh phẩm đưa vào Việt Nam, gửi ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. Về kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y:

a) Trình Bộ ban hành Danh mục động vật thuộc diện phải kiểm soát giết mổ; Danh mục đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y; Danh mục đối tượng kiểm tra vệ sinh thú y;

b) Trình Bộ ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh thú y đối với các đối tượng thuộc diện phải kiểm tra vệ sinh thú y;

c) Trình Bộ ban hành quy trình kiểm soát giết mổ động vật; quy trình, hồ sơ kiểm tra vệ sinh thú y; mẫu dấu kiểm soát giết mổ, tem vệ sinh thú y; quy định việc xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y;

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp xử lý động vật, sản phẩm động vật không bảo đảm yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc xét nghiệm các chỉ tiêu về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật về thú y.

9. Đầu mối quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm động vật, sản phẩm động vật trên cạn theo quy định pháp luật và theo phân công, ủy quyền của Bộ trưởng. Trực tiếp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm công đoạn giết mổ, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên cạn; kiểm tra an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu:

a) Chủ trì, phối hợp xây dựng trình Bộ trưởng về chiến lược, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch, chương trình, đề án, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức giám sát, phân tích nguy cơ; truy xuất, cảnh báo, phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục và xử lý vi phạm, sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra, công nhận hệ thống bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh của nước xuất khẩu đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn và động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh đối với động vật, sản phẩm động vật trên cạn xuất khẩu, nhập khẩu và động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

đ) Công bố kết quả kiểm nghiệm an toàn thực phẩm; kiểm tra vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, báo cáo về an toàn thực phẩm, vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật;

g) Phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện các nhiệm vụ khác về an toàn thực phẩm theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

10. Về quản lý thuốc thú y (không bao gồm chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản):

a) Trình Bộ ban hành quy chuẩn kỹ thuật về thuốc thú y; Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam; Danh mục thuốc thú y cấm sử dụng tại Việt Nam; Danh mục thuốc thú y chứa chất ma túy, tiền chất; Danh mục chất ma túy, tiền chất là nguyên liệu làm thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất; quy định về nội dung ghi nhãn, hồ sơ khảo nghiệm, sản xuất, buôn bán, nhập khẩu, lưu hành thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

b) Trình Bộ quy định hồ sơ đăng ký nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu thuốc thú y, vi sinh vật, chế phẩm sinh học, nguyên liệu phục vụ nghiên cứu, sử dụng trong thú y; kiểm nghiệm, kiểm tra chất lượng thuốc thú y; quản lý, chia sẻ, chuyển giao giống vi sinh vật, giống vắc xin để sản xuất vắc xin dùng trong thú y;

c) Trình Bộ quyết định sử dụng thuốc thú y chưa được đăng ký lưu hành tại Việt Nam trong trường hợp khẩn cấp để kịp thời phòng, chống dịch bệnh động vật;

d) Trình Bộ về số lượng, chủng loại thuốc thú y, vật tư, hóa chất dự trữ quốc gia; quản lý, sử dụng thuốc thú y, vật tư, hóa chất dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn đăng ký lưu hành, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; sản xuất, chế thử, gia công, san chia đóng gói thuốc thú y;

e) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm nghiệm, khảo nghiệm thuốc thú y;

g) Tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc thú y, điều kiện sản xuất, buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y; kiểm tra và giám sát việc xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam, sản xuất, chế thử, gia công, san chia, lưu hành, buôn bán, sử dụng, kê đơn, đơn thuốc thú y, thuốc thú y chứa chất ma túy, tiền chất; xử lý, thu hồi thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát về sử dụng kháng sinh trong phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; phòng chống kháng thuốc trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản;

i) Tổ chức, phối hợp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng về vi sinh vật dùng trong thú y, hóa chất dùng trong thú y; nghiên cứu, sản xuất vắc xin dùng trong thú y, chế phẩm sinh học dùng trong thú y; nghiên cứu về sử dụng kháng sinh và sự xuất hiện kháng thuốc trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; thu thập, bảo quản, lưu giữ, chuyển giao, sử dụng giống vi sinh vật dùng trong thú y.

11. Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi các loại giấy chứng nhận, xác nhận, chứng chỉ hành nghề, cấp phép về lĩnh vực thú y, an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện theo quy định của pháp luật.

12. Về cấp giấy chứng nhận hoạt động thử nghiệm và chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm hàng hóa:

a) Kiểm tra, thẩm định, chỉ định, cấp giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động của các phòng, đơn vị chẩn đoán, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định trong lĩnh vực thú y thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật;

b) Kiểm tra, đánh giá, chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp về chất lượng sản phẩm hàng hóa thuộc nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

13. Về khoa học và công nghệ: Tổ chức, phối hợp thực hiện nghiên cứu khoa học, chuyển giao ứng dụng công nghệ về thú y theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và theo quy định của pháp luật.

14. Về bảo vệ môi trường: Chỉ đạo thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường lĩnh vực thú y theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và theo quy định của pháp luật.

15. Đề xuất các chương trình, dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý của Cục; thực hiện nhiệm vụ quản lý và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án do Bộ trưởng giao; tham gia thẩm định các chương trình, dự án đầu tư chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Cục.

16. Tổ chức chỉ đạo, thực hiện công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục.

17. Về hợp tác quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế theo phân công, phân cấp của Bộ, gồm:

a) Đầu mối thực hiện hợp tác quốc tế về thú y theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng; trình Bộ trưởng kêu gọi, vận động, tiếp nhận, quản lý và thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ của quốc tế cho các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Tiếp nhận thông tin dự báo, cảnh báo liên quan đến dịch bệnh động vật từ các cơ quan, tổ chức quốc tế; thực hiện nghĩa vụ thông tin, báo cáo dịch bệnh động vật cho các tổ chức quốc tế và các nước liên quan; tham gia các chương trình phòng, chống dịch bệnh động vật trong khu vực và thế giới theo chỉ đạo của Bộ và quy định của pháp luật.

18. Về đàm phán kỹ thuật thú y: Chủ trì đàm phán kỹ thuật thú y thúc đẩy mở cửa thị trường và giải quyết những vấn đề liên quan đến rào cản kỹ thuật về vệ sinh thú y, an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm trong xuất khẩu, nhập khẩu động vật, sản phẩm động vật và thuốc thú y thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

19. Về truyền thông thú y:

a) Xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công tác thông tin, truyền thông và giáo dục nâng cao kiến thức pháp luật về thú y;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện công tác thông tin, truyền thông và giáo dục nâng cao kiến thức pháp luật về thú y theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp của Bộ trưởng.

20. Về cải cách hành chính:

a) Thực hiện cải cách hành chính theo chương trình, kế hoạch, đề án cải cách hành chính của Bộ và quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong lĩnh vực thú y thuộc phạm vi quản lý của Cục.

21. Về quản lý tổ chức, hoạt động dịch vụ công:

a) Trình Bộ cơ chế, chính sách về cung ứng dịch vụ công; thực hiện xã hội hóa các hoạt động cung ứng dịch vụ công; định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí, tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và các quy định về dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý của Cục;

b) Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức thực hiện dịch vụ công trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

22. Hướng dẫn, kiểm tra đối với hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Cục; tham gia ý kiến về công nhận Ban vận động thành lập Hội và Điều lệ Hội theo quy định.

23. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho người làm công tác về thú y theo quy định của pháp luật.

24. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, danh mục vị trí việc làm; cơ cấu ngạch công chức, hạng chức danh nghề nghiệp và hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng. Thực hiện chế độ, chính sách,

thi đua, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Cục theo quy định.

25. Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

26. Quản lý tài chính, tài sản và nguồn lực khác được giao; tổ chức việc thu, nộp, quản lý nguồn thu phí, lệ phí, nguồn thu hợp pháp khác thuộc phạm vi quản lý của Cục theo quy định của pháp luật.

27. Thực hiện nhiệm vụ Thường trực Ban chỉ đạo thuộc phạm vi quản lý của Cục theo phân công của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

28. Thực hiện nhiệm vụ khác theo phân công, phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Cục: Cục trưởng và các Phó Cục trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định:

a) Cục trưởng có trách nhiệm: Trình Bộ trưởng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục; ban hành Quy chế làm việc của Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức tham mưu thuộc Cục; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục, đơn vị sự nghiệp công lập (các tổ chức có tư cách pháp nhân) thuộc Cục sau khi có văn bản chấp thuận của Bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh lãnh đạo của các tổ chức trực thuộc Cục theo phân cấp của Bộ trưởng và quy định của pháp luật;

b) Cục trưởng điều hành hoạt động của Cục, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về hoạt động của Cục. Phó Cục trưởng giúp Cục trưởng theo dõi, chỉ đạo một số mặt công tác theo sự phân công của Cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Cục trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các tổ chức tham mưu:

- a) Văn phòng Cục;
- b) Phòng Kế hoạch, Tổng hợp;
- c) Phòng Tài chính;
- d) Phòng Pháp chế, Thanh tra;
- đ) Phòng Dịch tễ thú y;
- e) Phòng Thú y thủy sản;
- g) Phòng Kiểm dịch động vật;
- h) Phòng Quản lý thuốc thú y;
- i) Phòng Thú y cộng đồng;

k) Phòng Hợp tác quốc tế và Truyền thông.

3. Các Chi cục trực thuộc:

- a) Chi cục Thú y vùng I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- b) Chi cục Thú y vùng II, trụ sở đặt tại thành phố Hải Phòng;
- c) Chi cục Thú y vùng III, trụ sở đặt tại tỉnh Nghệ An;
- d) Chi cục Thú y vùng IV, trụ sở đặt tại thành phố Đà Nẵng;
- đ) Chi cục Thú y vùng V, trụ sở đặt tại tỉnh Đắk Lắk;
- e) Chi cục Thú y vùng VI, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh;
- g) Chi cục Thú y vùng VII, trụ sở đặt tại thành phố Cần Thơ;
- h) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lạng Sơn, trụ sở đặt tại tỉnh Lạng Sơn;
- i) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Lào Cai, trụ sở đặt tại tỉnh Lào Cai;
- k) Chi cục Kiểm dịch động vật vùng Quảng Ninh, trụ sở đặt tại tỉnh Quảng Ninh.

4. Các đơn vị sự nghiệp công lập:

- a) Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- b) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- c) Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc thú y Trung ương II, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh;
- d) Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương I, trụ sở đặt tại thành phố Hà Nội;
- đ) Trung tâm Kiểm tra vệ sinh thú y Trung ương II, trụ sở đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các tổ chức trực thuộc Cục Thú y quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng và kinh phí hoạt động theo quy định.

Cục trưởng Cục Thú y có trách nhiệm sắp xếp, tổ chức lại tổ chức theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành, thay thế Quyết định số 1399/QĐ-BNN-TCCB ngày 13/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thú y.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

Cục trưởng Cục Thú y, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nội vụ, Tư pháp, Y tế, Công thương, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đảng ủy Bộ;
- Đảng ủy Khối cơ sở Bộ tại TP. Hồ Chí Minh;
- Công đoàn Nông nghiệp và PTNT Việt Nam;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Công đoàn Bộ;
- Đoàn TNCS. Hồ Chí Minh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

**BỘ TRƯỞNG****Lê Minh Hoan**